

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



**ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG
TRONG THỜI GIAN TỚI VÀ
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2009**



Hà Nội, tháng 5/2009

Mục Lục

1	TÓM LƯỢC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2008	3
2	ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG, DÀI HẠN CỦA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM.....	4
2.1	Mục tiêu chiến lược tổng thể	4
2.2	Mục tiêu chiến lược cụ thể.....	4
2.2.1	Chiến lược Tài sản và Vốn.....	4
2.2.2	Chiến lược Tín dụng và Đầu tư.....	4
2.2.3	Chiến lược Dịch vụ	5
2.2.4	Chiến lược nguồn nhân lực	5
2.2.5	Chiến lược công nghệ.....	5
2.2.6	Chiến lược bộ máy tổ chức và điều hành.....	5
2.3	Lộ trình thực hiện.....	5
2.3.1	Năm 2009	5
2.3.2	Năm 2010	6
2.3.3	Từ năm 2011 đến 2015.....	7
3	KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2009:.....	7
3.1	Bảng tổng hợp kế hoạch kinh doanh năm 2009.....	7
3.2	Thuyết minh các chỉ tiêu và phân tích các số liệu dự kiến cho năm 2009	8
3.2.1	Kế hoạch nguồn vốn – Tài sản nợ.....	9
3.2.2	Kế hoạch sử dụng vốn – Tài sản có	10
3.2.3	Kế hoạch phát triển mạng lưới.....	11
3.2.4	Kế hoạch chi phí hoạt động, ngân sách mua sắm và các chi phí khác.....	12
3.3	Một số chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch kinh doanh 2009 của Vietinbank trình đại hội cổ đông thông qua	14

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp của Chính phủ, ngày 25/12/2008, Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) đã thực hiện thành công việc phát hành lần đầu cổ phiếu lần đầu ra công chúng và được coi là một hiện tượng của năm 2008 trên thị trường tài chính Việt Nam, mở đầu cho một giai đoạn phát triển mới của Vietinbank. Dưới đây là một số nét chính về kết quả kinh doanh dự kiến năm 2009 và định hướng hoạt động của Vietinbank trong những năm tới.

1 TÓM LƯỢC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2008

Tính đến 31/12/2008, một số chỉ tiêu cơ bản của Vietinbank được thể hiện như sau:

- Tổng tài sản đạt 193.590 tỷ quy VNĐ, tăng 27.477 tỷ = 16,5% so với 31/12/2007.
- Vốn chủ sở hữu đạt 12.336 tỷ.
- Tổng dư nợ tín dụng đạt 120.752 tỷ quy VNĐ, tăng 18.562 tỷ = 18,2% so với 31/12/2007, chiếm thị phần khoảng 9% toàn ngành.
- Tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,58% (phân loại nợ theo Quy định 493/QĐ-NHNN). Dự phòng rủi ro được tính toán và trích từ chi phí theo đúng các quy định của Pháp luật; số trích trong năm 2008 là 1.300 tỷ VNĐ.
- Kết quả kinh doanh: Lợi nhuận trước thuế đạt 2.437 tỷ VNĐ; Tỷ suất lợi nhuận (trước thuế) trên Tài sản ROA là 1,35%. Lợi nhuận sau thuế: 1.805 tỷ; Tỷ suất lợi nhuận (sau thuế) trên Vốn chủ sở hữu ROE là 15,7%.
- Trong năm 2008, Vietinbank đã thực hiện thành lập mới 5 chi nhánh: Hoà Bình, Yên Bái, Sơn La, Nam Sài Gòn, Kiến An.

Trong bối cảnh nhiều bất lợi cho hoạt động kinh doanh diễn ra suốt năm 2008, nhưng Vietinbank luôn phát huy tích cực vai trò ngân hàng thương mại lớn của nhà nước, thực thi gương mẫu các giải pháp chính sách tiền tệ quốc gia, góp phần đạt mục tiêu điều hành của Chính phủ và NHNN về kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội; đồng thời tăng trưởng ổn định cả về qui mô tài sản, qui mô vốn chủ sở hữu, chất lượng cho vay đầu tư và đạt hiệu quả kinh doanh cao. Trong năm 2008, là năm cột mốc đánh dấu chặng đường 20 năm xây dựng và phát triển, Vietinbank đã thực hiện thành công nhiều sự kiện lớn có ý nghĩa quan trọng như: Chuyển đổi thống nhất thương hiệu mới Vietinbank được đăng ký trên thị trường tài chính toàn cầu; Đón nhận huân chương Độc lập hạng Nhì do Nhà nước trao tặng; là ngân hàng thương

mại đầu tiên đưa vào hoạt động Trung tâm xử lý nghiệp vụ tài trợ thương mại theo chuẩn mực quốc tế (SGD 3), Trung tâm dự phòng dữ liệu, Trường đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Đây là những bước quan trọng và là nền tảng cho ngân hàng phát triển theo định hướng hiện đại, tiên tiến hội nhập. Đặc biệt, ngày 25/12/2008 Vietinbank đã thực hiện thành công đợt phát hành lần đầu cổ phiếu ra công chúng, được coi là một hiện tượng của năm 2008, chứng tỏ uy tín thương hiệu cao của Vietinbank trên thị trường tài chính Việt nam.

2 ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG, DÀI HẠN CỦA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

2.1 Mục tiêu chiến lược tổng thể

Xây dựng Ngân Hàng Công Thương Việt Nam trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, xếp hạng tiên tiến trong khu vực; đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; Quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững.

2.2 Mục tiêu chiến lược cụ thể

2.2.1 Chiến lược Tài sản và Vốn

- Tăng qui mô tài sản hàng năm trung bình 20-22%.
- Tăng Vốn chủ sở hữu bằng lợi nhuận để lại và phát hành thêm cổ phiếu phù hợp với qui mô tài sản và đảm bảo hệ số an toàn vốn.
- Đa dạng hoá cơ cấu sở hữu theo nguyên tắc Nhà nước sở hữu từ 51% trở lên, thu hút cổ đông chiến lược có uy tín trong và ngoài nước theo kế hoạch phê duyệt cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và Chính Phủ.

2.2.2 Chiến lược Tín dụng và Đầu tư

- Tín dụng là hoạt động kinh doanh chủ lực, cạnh tranh theo nguyên tắc thị trường.
- Điều chỉnh cơ cấu tín dụng hợp lý, phù hợp với thế mạnh của Vietinbank
- Tăng cường quản lý rủi ro tín dụng, bảo đảm nợ xấu chiếm tỷ lệ dưới 3%.
- Đa dạng hoá các hoạt động đầu tư tín dụng trên thị trường tài chính, giữ vai trò định hướng trong thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và quản lý thanh khoản của ngân hàng

2.2.3 Chiến lược Dịch vụ

- Phát triển đa dạng các dịch vụ ngân hàng thu phí, xác định nhóm dịch vụ mũi nhọn để tập trung phát triển.
- Dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để phát triển dịch vụ, lấy mức độ thoả mãn nhu cầu khách hàng là định hướng phát triển.

2.2.4 Chiến lược nguồn nhân lực

- Tiêu chuẩn hoá nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nâng cao năng lực trình độ của cán bộ.
- Hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động và cơ chế trả lương.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và chuyên nghiệp.

2.2.5 Chiến lược công nghệ

- Coi ứng dụng công nghệ thông tin là yếu tố then chốt, hỗ trợ mọi hoạt động phát triển kinh doanh.
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, an toàn, có tính thống nhất-tích hợp-ổn định cao.

2.2.6 Chiến lược bộ máy tổ chức và điều hành

- Điều hành bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp rõ ràng, hợp lý.
- Phát triển và thành lập mới các công ty con theo hướng cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tài chính ra thị trường.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh, thành lập mới chi nhánh, phát triển mạnh mạng lưới các phòng giao dịch, phủ sóng toàn bộ các tỉnh thành phố trong toàn quốc.
- Phát triển mạnh hệ thống ngân hàng bán lẻ.

2.3 Lộ trình thực hiện

2.3.1 Năm 2009

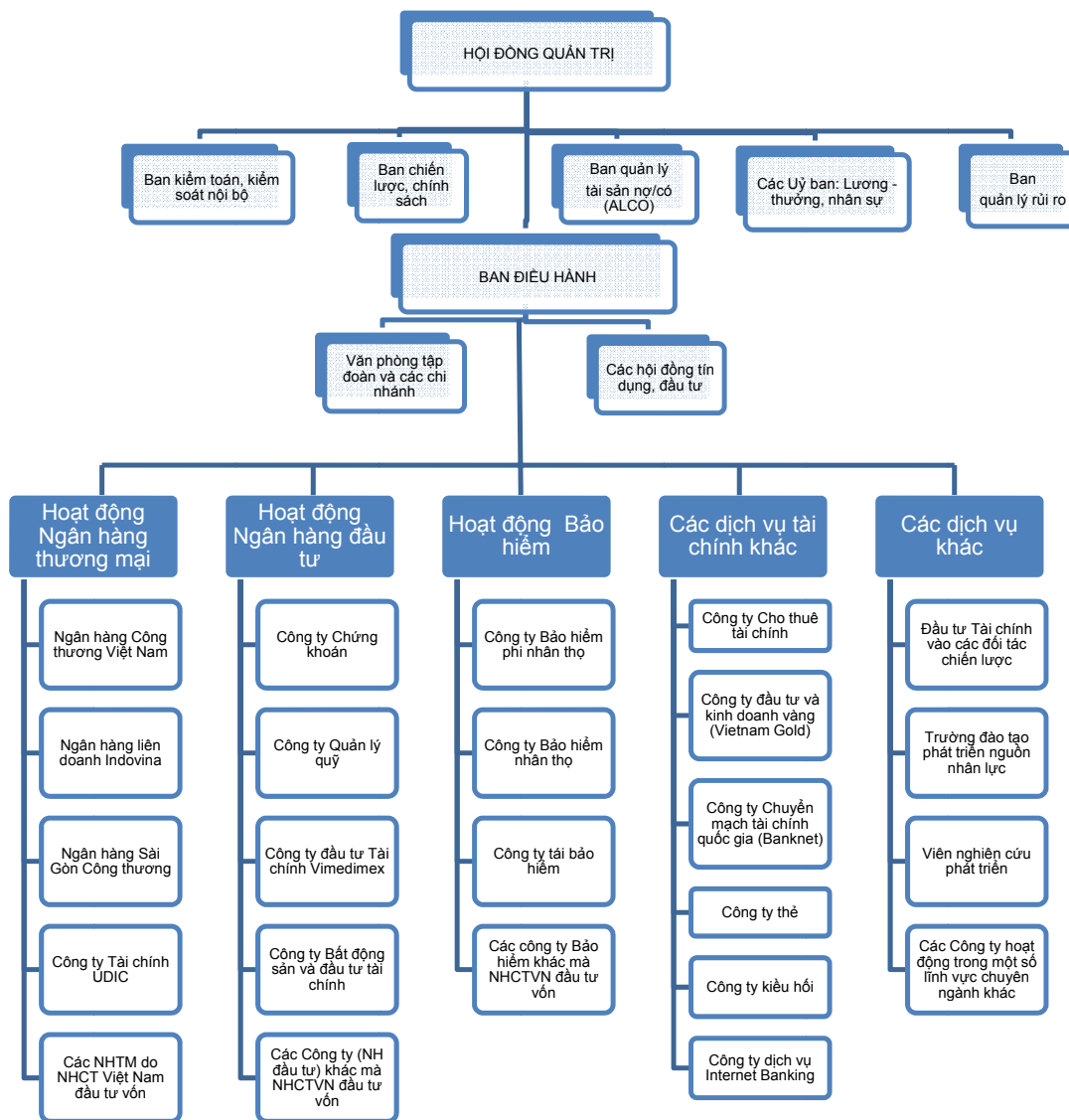
- Chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động sang NHTMCP Công thương VN, niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán.
- Tìm kiếm cổ đông chiến lược nước ngoài phù hợp với các điều kiện nêu tại Đề án cổ phần hoá Vietinbank đã được Chính phủ phê duyệt.

- Triển khai Dự án Hiện đại hóa giai đoạn 2, đầu tư mua sắm giải pháp công nghệ cho 12 Module nghiệp vụ trên hầu hết các lĩnh vực quản trị ngân hàng và phát triển sản phẩm mới.

2.3.2 Năm 2010

- Hoàn thiện tổ chức Tập đoàn tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt nam; hoạt động theo mô hình Tập đoàn Tài chính ngân hàng.
- IPO quốc tế và niêm yết quốc tế vào thời điểm thích hợp.

Mô hình Tập đoàn Tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam



2.3.3 Từ năm 2011 đến 2015

- Tiếp tục mở rộng phạm vi và qui mô hoạt động thông qua việc phát triển mạng lưới, thành lập và liên kết thành lập các công ty con kinh doanh trên lĩnh vực tài chính tiền tệ.
- Mở văn phòng đại diện tại một số nước.
- Phần đầu trở thành một Tập đoàn Tài chính Ngân hàng mạnh trong khu vực vào năm 2015.

3 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2009

3.1 Bảng tổng hợp kế hoạch kinh doanh năm 2009

Bảng 1: Cơ cấu Bảng Tổng kết Tài sản dự kiến năm 2009 (so sánh với năm 2008)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2008	Kế hoạch 2009	Tăng trưởng	
			Tuyệt đối	Tương đối
Tiền mặt	1.980.016	1.985.000	4.984	0,25%
Tiền gửi tại NHNN	6.010.724	6.600.000	589.276	9,80%
Tiền gửi, cho vay TCTD khác	18.273.849	19.300.000	1.026.151	5,62%
Đầu tư vào giấy tờ có giá	41.801.145	50.700.000	8.898.855	21,29%
Cho vay khách hàng	120.752.073	155.700.000	34.947.927	28,94%
Dự phòng rủi ro cho vay	-2.150.209	-2.500.000	-349.791	16,27%
Góp vốn đầu tư dài hạn	907.724	1.964.000	1.056.276	116,37%
Tài sản cố định hữu hình	1.279.280	1.800.000	520.720	40,70%
Tài sản cố định vô hình	291.291	300.000	8.709	2,99%
Tài sản có khác	4.444.651	4.539.479	94.828	2,13%
TỔNG TÀI SẢN	193.590.544	240.388.479	46.797.935	24,17%
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	769.677	800.000	30.323	3,94%
Tiền gửi, vay các TCTD khác	8.824.710	13.038.023	4.213.313	47,74%
Tiền gửi và các khoản phải trả khách hàng	125.093.587	155.813.456	30.719.869	24,56%
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	40.217.706	49.000.000	8.782.294	21,84%
Tài sản nợ khác	6.348.621	8.152.000	1.803.379	28,41%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	181.254.301	226.803.479	45.549.178	25,13%
Vốn điều lệ	7.717.168	12.060.000	4.342.832	56,27%
Vốn khác	392.480	100.000	-292.480	-74,52%
Các quỹ dự trữ	4.042.297	725.000	-3.317.297	-82,06%
Lợi nhuận để lại	184.298	700.000	515.702	279,82%
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.336.243	13.585.000	1.248.757	10,12%
TỔNG NGUỒN VỐN	193.590.544	240.388.479	46.797.935	24,17%

Bảng 2: Kế hoạch Tài chính - Dự kiến Thu nhập và Chi phí năm 2009
(so sánh năm 2008)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2008	Kế hoạch 2009	Tăng trưởng	
			Tuyệt đối	Tương đối
I. Thu từ lãi :	21.062.887	20.635.552	-427.335	-2,03%
1. Thu lãi cho vay	17.033.232	16.692.653	-340.579	-2,00%
2. Thu lãi tiền gửi	1.345.944	1.313.637	-32.307	-2,40%
3. Thu lãi từ cho thuê tài chính	123.597	124.089	492	0,40%
4. Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	2.559.062	2.503.942	-55.120	-2,15%
5. Thu lãi từ hoạt động khác	1.052	1.231	179	16,98%
II. Chi trả lãi	-13.873.456	-13.830.000	43.456	-0,31%
1. Chi trả lãi tiền gửi	-11.374.218	-11.343.590	30.628	-0,27%
2. Chi trả lãi tiền đi vay	-2.012.923	-2.001.618	11.305	-0,56%
3. Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	-476.840	-475.346	1.494	-0,31%
4. Trả lãi tiền thuê tài chính	1	1	0	-0,31%
5. Chi phí hoạt động tín dụng khác	-9.476	-9.446	30	-0,31%
III. Thu nhập từ lãi (I+II)	7.189.431	6.805.552	-383.879	-5,34%
IV. Thu nhập từ hoạt động khác	1.504.822	2.137.500	632.678	42,04%
1. Thu nhập ròng về dịch vụ	437.985	815.000	377.015	86,08%
2. Thu nhập ròng về ngoại hối	290.046	300.000	9.954	3,43%
3. Thu nhập ròng về KD chứng khoán	-22.787	70.000	92.787	-407,19%
4. Các khoản thu nhập bất thường				
5. Thu lãi góp vốn, mua cổ phần	135.099	185.000	49.901	36,94%
6. Thu nhập ròng từ HĐKD khác	664.479	767.500	103.021	15,50%
V. Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh (III+IV)	8.694.253	8.943.052	248.799	2,86%
VI. Chi hoạt động quản lý:	-4.957.755	-5.350.000	-392.245	7,91%
1. Chi khấu hao cơ bản TSCĐ	-402.218	-500.000	-97.782	24,31%
2. Chi lương và phụ cấp khác	-2.947.089	-3.150.000	-202.911	6,89%
3. Chi khác	-1.608.448	-1.700.000	-91.552	5,69%
VII. Thu nhập trước dự phòng (V+ VI)	3.736.498	3.593.052	-143.446	-3,84%
VIII. Chi dự phòng	-1.299.993	-1.000.000	299.993	-23,08%
IX. Thu nhập trước thuế (VII + VIII)	2.436.505	2.593.052	156.547	6,43%
X. Thuế thu nhập	-631.957	-648.263	-16.306	2,58%
XI. Thu nhập sau thuế (IX-X)	1.804.548	1.944.789	140.241	7,77%
VỐN CHỦ SỞ HỮU (bình quân)	11.491.386	12.960.622	1.469.236	12,79%
ROE	15,70%	15,01%	-0,70%	
Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt (Dự kiến cho 06 tháng cuối năm)		4,31%		

3.2 Thuyết minh các chỉ tiêu và phân tích các số liệu dự kiến cho năm 2009

3.2.1 Kế hoạch nguồn vốn – Tài sản nợ (Bảng 1)

Kế hoạch huy động vốn

Dự kiến Tổng Nợ phải trả năm 2009 đạt 226.803 tỷ, tăng 45.549 tỷ so với năm 2008, tỷ lệ tăng 25,13%, trong đó:

- Huy động vốn từ nền kinh tế đạt 155.813 tỷ, tăng 30.720 tỷ so với năm 2008, tỷ lệ tăng 24,56%.
- Huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng 13.038 tỷ, tăng 4.213 tỷ so với năm 2009, tỷ lệ tăng 48%
- Quản lý các nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư 49.000 tỷ, tăng 8.782 tỷ so với năm 2008, tỷ lệ tăng 22%.

Để đạt được mục tiêu này Vietinbank đã xây dựng và triển khai linh hoạt một loạt các giải pháp như: mở rộng mạng lưới giao dịch, chính sách lãi suất linh hoạt, sản phẩm huy động vốn được đa dạng kết hợp các hình thức khuyến mãi, các chiến dịch quảng cáo, áp dụng chính sách khách hàng chiến lược, tăng tiện ích giao dịch, thực hiện nhiều đợt phát hành giấy tờ có giá với tổng khối lượng dự kiến 10.000 tỷ đồng. Đặc biệt Vietinbank đang triển khai thành công và mở rộng diện áp dụng các chương trình quản lý vốn tập trung, thanh toán song phương, thu thuế hộ ngân sách, trả lương qua tài khoản... là những giải pháp tăng nguồn vốn huy động hiệu quả với chi phí hợp lý.

Dự kiến Vốn Chủ sở hữu:

Theo phương án Cổ phần hóa, Chính phủ đã phê duyệt tổng vốn điều lệ Vietinbank sau khi phát hành 10% vốn trong nước (tương đương 1.340 tỷ đồng mệnh giá) và 10% vốn cho cổ động chiến lược nước ngoài (1.340 tỷ đồng mệnh giá), thì Tổng Vốn điều lệ NHTMCPCTVN sẽ là 13.400 tỷ. Vì việc phát hành vốn cổ phần cho Cổ động chiến lược nước ngoài khó có thể thực hiện trong năm 2009, nên dự kiến Vốn điều lệ đến cuối năm 2009 là: 12.060 tỷ.

Dự kiến thặng dư vốn từ đợt IPO trong nước Vietinbank được giữ lại theo qui định là 100 tỷ.

Từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 dự kiến trích lập các quỹ theo qui định là 725 tỷ. Sau khi nộp thuế và trích lập các quỹ, chia cổ tức cho cổ đông thì lợi nhuận để lại bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh là 700 tỷ.

Tổng Vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2009 dự kiến đạt 13.585 tỷ.

3.2.2 Kế hoạch sử dụng vốn – Tài sản có (Bảng 1)

Kế hoạch tín dụng

Trong vòng vài năm trở lại đây, tăng trưởng bình quân tín dụng mỗi năm của Vietinbank ở mức 17 đến 18% - ở mức độ thấp hơn bình quân toàn ngành vì chủ trương của ngân hàng trong thời gian qua là cơ cấu lại danh mục tín dụng theo hướng an toàn, song song với việc ban hành hệ thống chính sách quy định về công tác tín dụng, đặc biệt về quản lý rủi ro tín dụng. Sang năm 2009, với nền tảng kinh nghiệm quản lý, qui mô mạng lưới mở rộng cùng với các chính sách vĩ mô khuyến khích cầu đầu tư của nền kinh tế, Vietinbank xây dựng mục tiêu tăng trưởng tín dụng 28,9% - nằm trong khả năng thực hiện của Vietinbank vì hết tháng 04/2009 tín dụng đã tăng hơn 10%.

Một số dự án tín dụng lớn Vietinbank đã ký kết và kế hoạch giải ngân trong năm 2009 như: Nhà máy Lọc Dầu Dung quất, dự án Boxit nhôm Lâm đồng, các dự án Điện như Nhiệt điện Quảng Ninh, Hải phòng, Thép Việt TP HCM, dự án cao ốc Bitexco TP HCM...

Tiếp tục tăng cường rà soát và củng cố chất lượng danh mục tín dụng, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.

Đầu tư vào giấy tờ có giá

Dự kiến năm 2009, Vietinbank tăng cường đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, đây là thị trường có nhiều tiềm năng vì tính hiệu quả cao hơn so với trái phiếu Chính phủ, đồng thời thanh khoản cao hơn tín dụng do số lượng ngày càng nhiều các tổ chức tài chính tham gia mua bán giấy tờ có giá trên thị trường vốn. Số dư đầu tư vào giấy tờ có giá bao gồm các loại trái phiếu, tín phiếu của Chính phủ, NHNN, trái phiếu phát triển đô thị và trái phiếu doanh nghiệp dự kiến năm 2009 tăng 8.899 tỷ so với năm 2008, đạt 50.700 tỷ đồng.

Đầu tư tài chính

Bao gồm hoạt động đầu tư góp vốn các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác. Những hoạt động này nằm trong chiến lược phát triển Tập đoàn Vietinbank và triển khai theo khả năng tài chính từng năm của Vietinbank. Năm 2009, Vietinbank dự kiến tăng 1.056 tỷ, bao gồm góp bổ sung vốn vào ngân hàng Indovina (dự kiến 450 tỷ); thành lập liên doanh Bảo hiểm Nhân thọ (dự kiến vốn tham gia 300 tỷ); góp vốn vào Công ty liên doanh kinh doanh vàng (100 tỷ); Góp vốn vào công ty gang thép Thái Nguyên (100 tỷ) và một số các khoản đầu tư dài hạn khác.

Đầu tư vào các Công ty con

Đến 31/12/2008, Vietinbank đã đầu tư vào các công ty con 100% vốn của Vietinbank là 930,5 tỷ, bao gồm các công ty: Công ty cho thuê tài chính NHCT, Công ty chứng khoán NHCT, Công ty TNHH Bảo hiểm NHCT, Công ty quản lý và khai thác tài sản.

Trong năm 2009 Vietinbank đã bổ sung vốn thêm 207 tỷ cho Công ty TNHH Bảo hiểm NHCT.

Kế hoạch trích lập dự phòng rủi ro

Năm 2008 Vietinbank đã trích lập đủ dự phòng rủi ro. Năm 2009, với mức tăng trưởng tín dụng 29 %, tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%, dự kiến trích dự phòng rủi ro từ chi phí 1.000 tỷ; quỹ dự phòng rủi ro dự kiến vào cuối năm 2009 ở mức 2.500 tỷ, trong đó dự phòng chung là 1.170 tỷ, dự phòng cụ thể là 1.330 tỷ.

3.2.3 Kế hoạch phát triển mạng lưới

Dự kiến trong năm 2009, Vietinbank sẽ mở thêm 4 chi nhánh: Điện Biên, Bắc Kạn, Hà Giang, Hậu Giang đưa tổng số chi nhánh và sở giao dịch lên 148 đơn vị.

Số lượng điểm giao dịch mở thêm trong năm 2009 khoảng trên 80 điểm, mục tiêu là địa bàn các huyện phát triển trên toàn quốc.

3.2.4 Kế hoạch chi phí hoạt động, ngân sách mua sắm và các chi phí khác

Chi phí tiền lương

Chi phí tiền lương (bao gồm các khoản lương, thưởng, phụ cấp ăn trưa, làm thêm giờ) năm 2008 thực hiện theo đơn giá Liên Bộ giao cho Vietinbank là 2.947 tỷ, chiếm 54,74% tổng lợi nhuận chưa có lương.

Năm 2009 dự kiến Vietinbank tăng 6.3% lao động đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và mở rộng mạng lưới, dự kiến Chi phí tiền lương tăng 6,9% so với năm 2008, và chiếm 54,85% tổng lợi nhuận chưa có lương.

Chi phí khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) năm 2009

Chi phí khấu hao TSCĐ năm 2009 dự kiến ở mức 500 tỷ, tăng 97,7 tỷ, tương đương với mức tăng 24,3% so với năm 2008.

Kế hoạch mua sắm năm 2009

- Kế hoạch mua sắm Tài sản cố định và xây dựng cơ bản 1.500 tỷ.
- Kế hoạch mua sắm thiết bị tin học và giải pháp phần mềm thực hiện giai đoạn 2 Dự án hiện đại hóa Vietinbank: 700 tỷ.

Chi phí khác

Dự kiến năm 2009 chi phí khác ở mức 1.700 tỷ, chiếm 32% tổng chi phí hoạt động khác.

Dự kiến kết quả kinh doanh

Thu nhập từ lãi dự kiến năm 2009 đạt 20.636 tỷ, giảm 427 tỷ = 2,03% so với năm 2008. Mặc dù qui mô tín dụng và đầu tư năm 2009 tăng so với năm 2008, nhưng do lãi suất thị trường giảm mạnh trong cả năm 2009 (lãi suất cơ bản NHNN thông báo giảm từ 14% năm 2008 xuống mức 7% năm 2009).

Thu nhập từ dịch vụ và hoạt động khác dự kiến đạt 2.137 tỷ, tăng 633 tỷ so với năm 2008, tương đương mức tăng 42,04%. Cơ sở của nguồn thu nhập này là từ kế hoạch phát triển hoạt động dịch vụ, từ kinh doanh chứng khoán, từ thu lãi góp vốn cổ phần, và thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh khác. Với kế hoạch kinh doanh theo hướng tích cực, dự kiến trong năm 2009 lợi nhuận trước thuế của Vietinbank đạt 2.593 tỷ

VNĐ; chỉ số tỷ số lợi nhuận (trước thuế) trên tổng tài sản ROA đạt 1,2%; lợi nhuận sau thuế đạt 1.945 tỷ đưa tỷ suất lợi nhuận (sau thuế) trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 15,01%; tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt (cho sáu tháng cuối năm) dự kiến đạt 4,31%; trích các quỹ dự trữ 725 tỷ và lợi nhuận để lại ước đạt 700 tỷ đồng.

Năm 2009 với nhiều thách thức to lớn đối với nền kinh tế do tác động của suy thoái kinh tế thế giới, khó khăn được dự đoán còn nhiều và phức tạp hơn năm 2008. Để kinh doanh phát triển ổn định, bền vững, với truyền thống và thành tựu kết quả của hơn 20 năm xây dựng, nhất định tập thể CBNV cũng là những cổ đông sở hữu cổ phần vốn của NHCT sẽ tiếp tục phấn đấu làm việc cống hiến cho sự nghiệp phát triển NHCT, đóng góp tích cực vào nỗ lực tạo đà tăng trưởng trở lại của nền kinh tế.

3.3 Một số chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch kinh doanh 2009 của Vietinbank trình đại hội cổ đông thông qua

Chỉ tiêu	Giá trị/ Chỉ tiêu	Tăng/giảm so với 2008 (%)
Tài sản và vốn (tỷ VND)		
Tổng tài sản	240.388	24,17%
Vốn chủ sở hữu	13.585	10,12%
Vốn điều lệ	12.060	56,27%
Vốn huy động từ nền kinh tế	204.813	23,9%
Dư nợ tín dụng (tỷ VND)	155.700	28,94%
Ngân sách (tỷ VND)		
Chi phí lương/Tổng lợi nhuận chưa có lương	54,85%	0%
Mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản	2.200	286%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	2.593.052	6,43%
Phát triển mạng lưới và nguồn nhân lực		
Điểm giao dịch tăng thêm (Chi nhánh/PGD)	4/80	
Nhân viên bình quân ¹	18.000	6.3%
Các chỉ tiêu chất lượng		
CAR	>11%	
Tỷ lệ nợ xấu	<3%	
ROA	1,20%	
ROE	15,01%	
Quyền lợi cổ đông		
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt (06 tháng cuối năm 2009)	4,31%	

¹ Số nhân viên bình quân bao gồm cả các lao động thuê theo thời vụ